

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

|                      |   |
|----------------------|---|
| <b>E-ĐKC 1.1</b>     | Chủ đầu tư:<br>- Chủ đầu tư: Khu Quản lý đường bộ II<br>- Địa chỉ: 58 Phan Đăng Lưu, Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An<br>- Số tài khoản: 952711119345; Kho Bạc Nhà nước khu vực XI - Phòng nghiệp vụ 2.<br>- Mã số thuế: 2900602353<br>- Điện thoại: 0238.3844805<br>- Email: tqthanh1974@gmail.com |
| <b>E-ĐKC 1.3</b>     | Nhà thầu: _____<br><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>   |
| <b>E-ĐKC 1.10</b>    | Địa điểm dự án: <b>Quốc lộ 1, tỉnh Hà Tĩnh</b> <i>[Ghi địa điểm dự án]</i>  |
| <b>E-ĐKC 1.11</b>    | Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng  |
| <b>E-ĐKC 2.2 (i)</b> | Các tài liệu khác:<br>1. Quyết định phê duyệt dự án;<br>2. Quyết định phê duyệt Thiết kế BVTC và dự toán công trình<br>3. Quyết định điều chỉnh dự toán<br>4. Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu<br>5. Các tài liệu liên quan khác (sẽ được xác định trong bước thương thảo hợp đồng)  |
| <b>E-ĐKC 4.1</b>     | Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Bên mời thầu sẽ cung cấp tất cả các tài liệu liên quan đến dự án, phục vụ cho công tác giám sát  |
| <b>E-ĐKC 5.1</b>     | Các trường hợp khác: Không áp dụng  |
| <b>E-ĐKC 7</b>       | Loại hợp đồng: Trọn gói.  |
| <b>E-ĐKC 8</b>       | Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.  |

|                        |  |
|------------------------|--|
|                        | <p>(1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p>  |
| <p><b>E-ĐKC 10</b></p> | <p>10.1. Tạm ứng: Bên giao thầu tạm ứng cho Nhà thầu tối đa 30% giá trị hợp đồng và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước nhưng không vượt quá kế hoạch vốn được giao cho dự án hàng năm sau khi Bên giao thầu nhận được bảo lãnh tạm ứng của Bên nhận thầu và theo quy định hiện hành.</p> <p>Hoàn trả tiền tạm ứng: Số tiền tạm ứng này sẽ được Bên giao thầu thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng (không bao gồm chi phí dự phòng). Mức thu hồi tạm ứng tại các lần thanh toán phụ thuộc vào giá trị khối lượng thực hiện của lần thanh toán đó và được Bên giao thầu cùng Bên nhận thầu thống nhất trực tiếp tại “Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành” của hồ sơ thanh toán.</p> <p>Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.</p> <p>Thời gian tạm ứng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích, không đúng đối tượng, Bên giao thầu sẽ thu hồi số tiền tạm ứng này.</p> <p>10.2. Thanh toán</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương thức thanh toán: <b>Chuyển khoản</b></li> <li>- Đồng tiền thanh toán: <b>VND.</b></li> <li>- Số lần thanh toán: Tối đa 05 lần. Quá trình thanh toán các bên có thể tự điều chỉnh số lần thanh toán cho phù hợp với tình hình thực tế thực hiện và kế hoạch vốn được giao. Lần cuối cùng sau khi nhà thầu vẫn hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng.</li> <li>- Thời hạn thanh toán: Theo kế hoạch bố trí vốn của dự án và trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</li> </ul> |

|                       |   |
|-----------------------|---|
|                       | đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu. Trường hợp kế hoạch vốn của dự án chưa được bố trí, thì trong mọi trường hợp Bên A sẽ không phải trả chi phí tiền lãi nếu có đối với bất kỳ khoản thanh toán chậm của hợp đồng.   |
| <b>E-ĐKC 11</b>       | Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: <b>Không áp dụng</b>   |
| <b>E-ĐKC 12</b>       | Thời gian thực hiện hợp đồng: <b>Theo tiến độ gói thầu số 3,4 (150 ngày)</b>  |
| <b>E-ĐKC 13.1</b>     | Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng.   |
| <b>E-ĐKC 13.2 (e)</b> | Các trường hợp khác: _____ [ <i>ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật</i> ].  |
| <b>E-ĐKC 14.2</b>     | Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư.  |
| <b>E-ĐKC 16.1</b>     | Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ <i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i> ].  |
| <b>E-ĐKC 16.2</b>     | Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 40 % giá hợp đồng [ <i>Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT</i> ].   |
| <b>E-ĐKC 16.4</b>     | <p>Yêu cầu khác về nhà thầu phụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu phụ phải có tên trong HSDT ban đầu hoặc là nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận/chỉ định trong thời gian thực hiện hợp đồng.</li> <li>- Nhà thầu chỉ được ký kết hợp đồng thầu phụ đúng với năng lực hành nghề, năng lực hoạt động của nhà thầu phụ theo quy định của pháp luật.</li> <li>- Nội dung hợp đồng thầu phụ phải đáp ứng yêu cầu là thống nhất, đồng bộ với nội dung hợp đồng Nhà thầu đã ký với Chủ đầu tư.</li> <li>- Chủ đầu tư được quyền chỉ định nhà thầu phụ khi Nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu về an toàn, chất lượng và tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi chủ đầu tư đã yêu cầu.</li> <li>- Nhà thầu phụ không được thực hiện những hạng mục có tính chất kỹ thuật phức tạp.</li> <li>- Việc huy động nhà thầu phụ cho gói thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận.</li> </ul> |

**E-ĐKC 17**

*Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:*

**1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng.**

a. Nhà thầu bị phạt theo mức 0,2% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày làm chậm tiến độ hoàn thành của gói thầu xây lắp. Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm; Chủ đầu tư khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu, cụ thể:

\* Quy định chi tiết:

**a.1. Vi phạm về tiến độ:**

+ Nếu Nhà thầu được xác định là nguyên nhân làm kéo dài thời gian hoàn thành công việc hoặc hoàn thành công trình sẽ bị phạt theo mức 0,2% giá trị hợp đồng TVGS cho mỗi ngày làm chậm tiến độ hoàn thành công việc hoặc hoàn thành công trình mà không có lý do chính đáng;

+ Nếu Nhà thầu được xác định là nguyên nhân làm kéo dài thời gian hoàn thiện hồ sơ, tài liệu phục vụ cho công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình theo quy định (thời gian kiểm tra, soát xét hồ sơ tối đa 10 ngày đối với hồ sơ quản lý chất lượng công trình, hồ sơ hoàn thành công trình và 05 ngày đối với hồ sơ thanh, quyết toán công trình kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ từ Nhà thầu xây dựng) mà không có lý do chính đáng thì Bên B sẽ bị Bên A phạt với số tiền bằng với mức phạt theo quy định tại Khoản 1, Điều 36, Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ cho mỗi lần vi phạm;

**a.2. Vi phạm quy định về giám sát thi công xây dựng công**

**trình:** Nhà thầu phải chịu xử phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ; ngoài ra, Nhà thầu TVGS còn phải cùng với Nhà thầu thi công tự bỏ kinh phí để thay thế phần khối lượng, sản phẩm đã thi công sai thiết kế đã được phê duyệt; bồi thường tương ứng với thiệt hại do Nhà thầu gây ra.

|                          |  |
|--------------------------|--|
|                          | <p><b>a.3. Vi phạm khác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư kiểm tra hiện trường định kỳ, đột xuất, không báo trước, nếu phát hiện tư vấn giám sát không có mặt tại hiện trường để giám sát công trình thì sẽ có các hình thức xử lý như sau:</li> <li>+ Vi phạm vắng mặt lần đầu: Chủ đầu tư sẽ làm văn bản nhắc nhở lần 1 và phạt với mức 05% giá trị hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp bất khả kháng.</li> <li>+ Vi phạm vắng mặt lần thứ 2: Chủ đầu tư sẽ làm văn bản phê bình và phạt với mức 05% giá trị hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp bất khả kháng.</li> <li>+ Vi phạm lần thứ 3: Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng, không cho nhà thầu tiếp tục tư vấn giám sát và đánh giá uy tín nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu.</li> </ul> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế (Bằng tổng chi phí thiệt hại phát sinh do lỗi của Nhà thầu gây ra.)</p> |
| <p><b>E-ĐKC 19.1</b></p> | <p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu không thực hiện đúng các nội dung đã ký kết trong hợp đồng;</li> <li>- Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSĐT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương;</li> <li>- Nhà thầu tư vấn không triển khai thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực 15 ngày mà không có lý do về sự kiện bất khả kháng;</li> <li>- Không thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Chủ đầu tư;</li> <li>- Vi phạm nghiêm trọng về chất lượng;</li> <li>- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</li> </ul>  |
| <p><b>E-ĐKC 20</b></p>   | <p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Do người quyết định đầu tư quyết định thay đổi mục tiêu đầu tư, thay đổi hoặc tạm dừng thực hiện.</li> <li>- Do các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</li> </ul>   |

|                          |  |
|--------------------------|--|
|                          | <p>- Do nhà nước không bố trí vốn để thanh toán việc thực hiện hợp đồng cho nhà thầu tư vấn.</p>   |
| <p><b>E-ĐKC 22.2</b></p> | <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>- Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 03 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.</p> <p>- Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án Nhân dân) theo qui định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.</p> |
| <p><b>E-ĐKC 23.1</b></p> | <p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: Khu Quản lý đường bộ II (số 58 Phan Đăng Lưu, Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An)</p> <p>Điện thoại: 0913272717</p> <p>E-mail: tqthanh1974@gmail.com</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: _____</p>   |